

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 03/01/2018

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Cao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Huỳnh Bảo Khánh

2. Bà Tạ Thị Kim Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Hương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2016/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 01 năm 2016 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3023/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: 96 Đường số A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Tran Van T2, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Quốc tịch: Hoa Kỳ

Địa chỉ: Michigan 48201, USA.

Bà Nguyễn Thị Thanh T1 đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/12/2015 của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T1 và các lời khai trong quá trình tố tụng, bà T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Tran Van T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/02/2013 (số vào sổ 480, Quyền số 03 ngày 19/02/2013). Sau khi kết hôn khoảng hai tuần thì ông T2 về lại Mỹ, bà và ông T2 vẫn thường xuyên liên lạc với nhau nhưng do khoảng cách mỗi người một nơi nên vợ chồng thường hay xảy ra mâu thuẫn, không hợp với nhau. Bà còn phát hiện ra ông T2 không còn yêu bà

như trước mà có quan hệ với một người khác. Vì vậy nguyện vọng của bà là được ly hôn với ông Tran Van T2. Do bận việc, bà yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T1 khai không có.

Bị đơn là ông Tran Van T2, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã triệu tập hợp lệ: Tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo ngày, giờ và địa điểm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thông qua thủ tục ủy thác tư pháp đến Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ theo địa chỉ của bị đơn do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, yêu cầu ông Tran Van T2 có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến về việc bà Nguyễn Thị Thanh T1 khởi kiện yêu cầu ly hôn (theo văn ủy thác tư pháp số 168/TTTPDS-TA (lần 1) ngày 09/3/2016 và số 1015/TTTPDS-TA (lần 2) ngày 13/9/2016). Bộ Tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã có văn bản đề nghị Bộ Ngoại giao thực hiện các công việc cần thiết để thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định. Theo đó, Cơ quan đại diện của Việt Nam tại Hoa Kỳ đã gửi thông báo cho bị đơn, đồng thời niêm yết hồ sơ tại trụ sở Đại sứ quán.

Ngày 31/8/2017, ông Tran Van T2 có văn bản trả lời như sau: Ông xác nhận lời khai của bà T1 về thời gian đăng ký kết hôn; về con chung, tài sản chung và nợ chung không có là đúng. Ông thừa nhận ông và bà T1 không hợp nhau trong quá trình chung sống, ông đồng ý được ly hôn với bà T1 đồng thời ông xin được ly hôn vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết thủ tục ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T1.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về vụ án: Về tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về địa vị tố tụng và đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về nội dung, Kiểm sát viên phân tích yêu cầu của nguyên đơn xin ly hôn bị đơn là phù hợp và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T1, Hội đồng xét xử nhận thấy bà T1 và ông Tran Van T2 kết hôn với nhau vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy căn cứ vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp, khi một trong các bên có yêu cầu ly hôn, Tòa án xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn Tran Van T2 mang quốc tịch Hoa Kỳ, hiện đang cư trú tại Hoa Kỳ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của Bà Nguyễn Thị Thanh T1 yêu cầu ly hôn ông Tran Van T2, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của bà T1 (bà T1 cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời khai của bà) thì thực tế sau khi kết hôn bà T1 và ông T2 phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được. Từ khi kết hôn cho đến nay, bà T1 và ông T2 không có quá trình chung sống lâu dài, do khoảng cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, hai bên chưa có sự gắn kết sâu đậm về tình cảm vợ chồng. Hiện nay bà T1 và ông T2 đang sinh sống ở hai nước khác nhau nên khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà T1 yêu cầu ly hôn với ông T2 là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà T1 ly hôn với ông T2 là phù hợp với thực tế nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T1 và ông Tran Van T2 đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 200.000 đồng, bà T1 chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Thanh T1 được ly hôn với ông Tran Van T2.

Giấy chứng nhận kết hôn số 480, Quyền số 03 ngày 19/02/2013 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị Thanh T1 và ông Tran Van T2 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T1 và ông Tran Van T2 đều xác định không có, Tòa án không xem xét.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 200.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thanh T1 chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng mà bà T1 đã đóng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 09917, ngày 15/01/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Thanh T1 đã nộp đủ tiền án phí.

4. Bà Nguyễn Thị Thanh T1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án. Ông Tran Van T2 được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- Cục THADS Tp.HCM;
- UBND Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Cao